

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM JOY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM JOY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JOY PHARMACEUTICAL COSMETIC
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: JOY PHARMA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110242883

3. Ngày thành lập: 07/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 63 đường Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944.560.894

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530

10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632(Chính)
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn dụng cụ y tế Kinh doanh thuốc	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663

28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su Kinh doanh trang thiết bị y tế	4669
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
34.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
35.	Quảng cáo	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
43.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
44.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
45.	Sản xuất đường	1072
46.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
47.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
48.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
49.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079

50.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
51.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
52.	Sản xuất rượu vang	1102
53.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
56.	Sản xuất sợi	1311
57.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
58.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
59.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
60.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
61.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
62.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
63.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
64.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
65.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
66.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
67.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
68.	Sản xuất giày, dép	1520
69.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
70.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
71.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
72.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
75.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
76.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
77.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
78.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
79.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
80.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
83.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
84.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
85.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
86.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

87.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
88.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
89.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
90.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
91.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
92.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
93.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
94.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
95.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
96.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
97.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
98.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
99.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
100.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
101.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
102.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
103.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
104.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
105.	Bốc xếp hàng hóa	5224
106.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
107.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
108.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
109.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
110.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
111.	Xuất bản phần mềm	5820
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
113.	Đại lý du lịch	7911
114.	Điều hành tua du lịch	7912

115.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
116.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
117.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
118.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
119.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
120.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
121.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	3250
122.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
123.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
124.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
125.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
126.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
127.	Thu gom rác thải độc hại	3812
128.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
129.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
130.	Xây dựng nhà để ở	4101
131.	Xây dựng nhà không để ở	4102
132.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
133.	Xây dựng công trình điện	4221
134.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
135.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
136.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
137.	Xây dựng công trình thủy	4291
138.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
139.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
140.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
141.	Phá dỡ (không bao gồm nổ mìn và rà phá bom mìn)	4311
142.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn và rà phá bom mìn)	4312
143.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
144.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
145.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

146.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
147.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
148.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thuốc: Nhà thuốc, Quầy thuốc	4772

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM MINH ANH	Phòng 0123 Tòa nhà Hòa Phát – Chung cư 46 phố Vọng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	60,000	001199023080	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	60,000		

2	PHẠM KIM THOA	Phòng 0123 Tòa nhà Hòa Phát – Chung cư 46 phố Vọng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001194002988	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
3	PHẠM QUANG MINH	Phòng 0123 Tòa nhà Hòa Phát – Chung cư 46 phố Vọng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001094015877	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM KIM THOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001194002988

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Trang, Xã Minh Tân, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 0123 Tòa nhà Hòa Phát – Chung cư 46 phố Vọng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội